

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2019/DS-PT
Ngày: 11-3-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Các Thẩm phán: 1. Ông **Trịnh Đắc Phú**
2. Bà **Phạm Thị Kim**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Từ Thanh Uyên** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Lê Trọng Long** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 651/2018/TLPT - DS ngày 18/12/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 378/2018/DS-ST ngày 07/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 291/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Trụ sở: 130 đường L, Phường X, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Võ Minh T** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ông **Tô Quốc C**, sinh năm 1987; (có mặt)

Địa chỉ: 418 đường P, Phường Z, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **Trác Nhơn T**, sinh năm 1977; (vắng mặt)

Địa chỉ: 50/6 đường C, Phường I, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Ngân hàng A - Nguyên đơn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Võ Minh T** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Tô Quốc C**, sinh năm 1987;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/5/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng A có người đại diện theo ủy quyền là ông Tô Quốc C trình bày:

Ngày 25/8/2008, Ngân hàng A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng A) và ông Trác Nhơn T có ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số CC 0800078. Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, lãi suất 18%/năm, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay tiêu dùng.

Từ ngày 25/08/2008 đến nay, ông T không thanh toán nợ cho Ngân hàng. Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên từ ngày 31/08/2009, Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nay, Ngân hàng khởi kiện ông T yêu cầu thanh toán tiền nợ tạm tính đến ngày 16/01/2018 như sau:

Dư nợ gốc: 28.209.010 đồng

Dư nợ lãi: 32.506.716 đồng (tính đến ngày 15/01/2015)

Dư nợ lãi: 29.429.050 đồng (tính từ ngày 15/01/2015 đến ngày 31/7/2018)

Dư nợ phí có lãi: 180.000 đồng

Dư nợ phí không lãi : 460.644.588 đồng

Tổng dư nợ: 550.969.364 đồng

Yêu cầu trả tiền lãi phát sinh từ ngày 06/11/2018 đến ngày ông T trả hết nợ cho Ngân hàng. Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực.

Bị đơn ông Trác Nhơn T đã được tòa triệu tập hợp lệ nhưng ông T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Bản án số 378/2018/DS-ST ngày 07/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A. Buộc ông Trác Nhơn T thanh toán cho Ngân hàng A số tiền nợ còn thiếu tổng cộng là 106.307.096 đồng, bao gồm nợ gốc là 28.209.010 đồng và nợ lãi trong hạn, dư nợ phí, lãi quá hạn là 77.918.086 đồng của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng A Bank số CC 0800078 ngày 25/8/2008.

Nợ lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 07/11/2018 do Ngân hàng A và ông Trác Nhơn T đã thỏa thuận và ký kết trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng A Bank số CC 0800078 ngày 25/8/2008 tính trên số nợ gốc cho đến khi trả hết nợ.

Thời hạn thanh toán: Khi án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/11/2018, Ngân hàng A có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ngân hàng A kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A, buộc ông Trác Nhơn T phải trả ngay một lần tổng số tiền tính đến ngày 06/11/2018 là 550.696.364 đồng. Yêu cầu ông T chịu toàn bộ án phí.

Bị đơn ông Trác Nhơn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của đương sự làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Tòa án chấp nhận. Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị: Căn cứ Điều 8.1 và Điều 9.6 của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/8/2008 quy định: Nếu ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì sau 90 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán thì Ngân hàng A sẽ xem xét việc chấm dứt sử dụng thẻ và thu hồi thẻ. Như vậy, Ngân hàng phải chuyển dư nợ gốc sang nợ quá hạn từ tháng 4/2009 nhưng cho đến ngày 15/01/2015 Ngân hàng A mới chuyển nợ gốc sang nợ quá hạn là không đúng. Ngân hàng A yêu cầu bị đơn trả dư nợ phí không lãi là 460.644.588 đồng là không có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, xét đánh giá kết quả tranh tụng, tranh luận của đương sự tại phiên tòa, sau khi nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Trác Nhơn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không vì lý do bất khả kháng. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Xét kháng cáo của Ngân hàng A yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Trác Nhơn T phải trả cho Ngân hàng A tiền nợ còn thiếu là 550.969.364 đồng (bao gồm: nợ gốc chưa thanh toán: 28.209.010 đồng, nợ lãi tính đến ngày 06/11/2018 là 61.935.766 đồng và dư nợ phí có lãi: 180.000 đồng, dư nợ phí không lãi: 460.644.588 đồng), xét thấy:

[2.1] Căn cứ giấy đăng ký sử dụng thẻ tín dụng A Bank ngày 11/8/2008; hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng A Bank số CC 0800078 ngày 25/8/2008 và các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Ông T có vay tiền của Ngân hàng A bằng hình thức sử dụng thẻ tín dụng, quá trình sử dụng thẻ ông T đã nhiều lần rút tiền để mua hàng và rút tiền mặt. Ngày 30/4/2009, ông T thanh toán tiền vốn lần cuối cùng cho Ngân hàng A, sau đó ông T ngưng không thanh toán tiền vốn cho

Ngân Hàng. Số tiền vốn gốc còn lại ông T chưa thanh toán là 28.209.010 đồng, do ông T vi phạm nghĩa vụ không thanh toán đúng hạn nên Tòa sơ thẩm căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 11, khoản 2 Điều 24, khoản 1 Điều 25 Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng nhà nước, buộc ông T phải trả tiền vốn gốc là 28.619.345 đồng cho Ngân hàng A là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét về tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và các khoản nợ phí có lãi và nợ phí không lãi.

Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Ngân hàng A yêu cầu tiền dư nợ lãi trong hạn là 32.506.716 đồng tính từ lúc ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nhiều lần. Đến ngày 15/01/2015, Ngân hàng A chuyển toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi trong hạn này sang lãi quá hạn tính đến thời điểm xét xử là 29.429.050 đồng. Căn cứ Điều 8.1 và Điều 9.6 của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng A Bank số CC 0800078 ngày 25/8/2008 quy định nếu ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì sau thời hạn 90 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán thì Ngân hàng sẽ xem xét việc chấm dứt sử dụng thẻ và thu hồi thẻ. Ngân hàng không xác định chính xác ngày ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên thời điểm chuyển nợ quá hạn của ông Thanh được tính kể từ ngày thẻ hết thời hạn sử dụng là 25/8/2009 (ngày kích hoạt thẻ là 25/8/2008), cộng thêm thời hạn 90 ngày mà hợp đồng quy định tức là ngày 25/11/2009 Ngân hàng A phải có trách nhiệm chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn. Tuy nhiên, đến ngày 15/01/2015 Ngân hàng A mới chuyển dư nợ gốc sang nợ quá hạn là không đúng quy định.

[2.3] Đối với yêu cầu của Ngân hàng A yêu cầu bị đơn ông Trác Nhơn T trả số tiền dư nợ phí không lãi là 460.644.588 đồng.

Xét thấy, số tiền phí không lãi này được tính dựa trên số tiền thanh toán tối thiểu mà khách hàng phải trả trong từng tháng (bao gồm nợ gốc và lãi trong hạn của mỗi tháng) x 4% tính từ ngày 15/11/2008 cho đến ngày 15/01/2015, nên Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu tính dư nợ phí không lãi của Ngân hàng là có căn cứ. Tuy nhiên, do Ngân hàng A chốt tiền lãi mỗi tháng vào ngày 15 hàng tháng nên Tòa án sơ thẩm tính lại số tiền lãi trong hạn tính đến ngày 15/11/2009 là 3.168.834 đồng, phí rút tiền mặt: 180.000 đồng, dư nợ phí không lãi tính đến ngày 15/11/2009 là 5.185.833 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 15/11/2009 đến nay là 69.563.419 đồng. Tổng cộng các khoản tiền lãi và các loại dư nợ phí là 78.098.086 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm, Tòa sơ thẩm ghi số tiền nợ lãi trong hạn, dư nợ phí, lãi quá hạn là 77.918.086 đồng là không chính xác nhưng ghi đúng số tiền vốn gốc, tiền lãi và các khoản phí tổng cộng là 106.307.096 đồng bị đơn ông T phải thi hành nên không ảnh hưởng đến số tiền phải thi hành. Tuy nhiên cần điều chỉnh lại cho đúng phần này trong phần Quyết định của bản án sơ thẩm.

Như vậy, Tòa sơ thẩm buộc ông T trả cho Ngân hàng A tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi là 106.307.096 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật nên kháng cáo của

Ngân hàng A không được chấp nhận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: các đương sự phải chịu theo quy định.

Án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng 7; khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về án mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng A.

Giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số 378/2018/DS-ST ngày 07/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh ;

Tuyên xử :

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Buộc ông Trác Nhơn T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A số tiền nợ còn thiếu tổng cộng là 106.307.096 (Một trăm lẻ sáu triệu ba trăm lẻ bảy ngàn không trăm chín mươi sáu) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 28.209.010 (Hai mươi tám triệu hai trăm lẻ chín nghìn không trăm mười) đồng và nợ lãi trong hạn, dư nợ phí, lãi quá hạn là 78.098.086 (Bảy mươi tám triệu không trăm chín mươi tám ngàn không trăm tám mươi sáu) đồng của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng A Bank số CC 0800078 ngày 25/8/2008.

Nợ lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 07/11/2018 do Ngân hàng A và ông Trác Nhơn T đã thỏa thuận và ký kết trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng A Bank số CC 0800078 ngày 25/8/2008 tính trên số nợ gốc cho đến khi trả hết nợ.

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trác Nhơn T phải chịu 5.315.355 (Năm triệu ba trăm mười lăm nghìn ba trăm năm mươi lăm) đồng.

Ngân hàng A phải chịu án phí trên số tiền không được chấp nhận là 21.786.491 (Hai mươi một triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm chín mươi một) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng A đã nộp là 12.425.906 (Mười hai triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn chín trăm lẻ sáu)

đồng theo biên lai thu tiền số AG/2014/0005428 ngày 20/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận K, Ngân hàng A còn phải nộp thêm số tiền án phí là 9.360.585 (Chín triệu ba trăm sáu mươi nghìn năm trăm tám mươi lăm) đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng A phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng A đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AG/2014/0006701 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận K, Thành phố Hồ chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 5, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 5, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu (T 15).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hằng